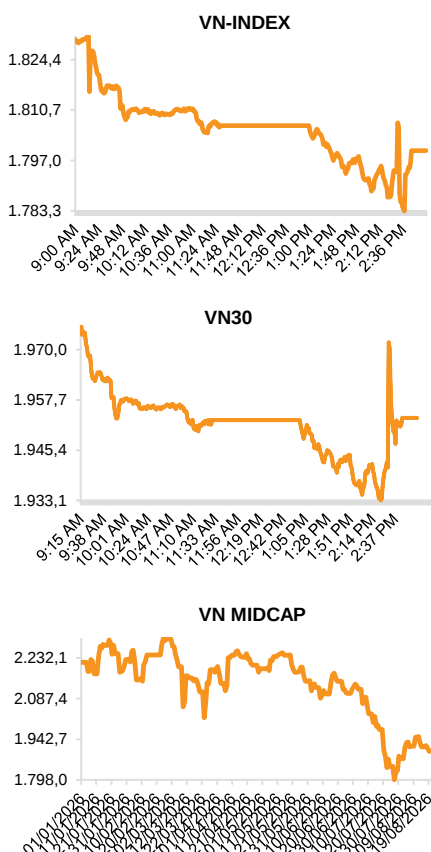


KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.799,7	274,4	126,4
1 ngày (%)	-0,9	-0,3	0,0
1 tháng (%)	1,8	-3,4	-0,9
Từ 2026	0,9	10,3	4,4
1 năm (%)	8,5	-0,7	13,8
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	336	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,7	0,6	0,3
Số mã tăng	104	45	85
Số mã giảm	206	79	128
Số mã tham chiếu	95	169	518

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index giảm 0,9%, áp lực bán tập trung ở bất động sản

Phiên giao dịch ngày 21/09/2026 ghi nhận VN-Index giảm 16,0 điểm (-0,9%) xuống 1.799,7 điểm. Áp lực bán gia tăng trong phiên chiều, trong đó VIC là một trong những cổ phiếu gây sức ép lớn nhất lên chỉ số và góp phần kéo VN-Index xuống dưới ngưỡng 1.800 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 97 mã tăng, trong đó có tám mã tăng trần, 60 mã đứng giá và 200 mã giảm, gồm năm mã giảm sàn. HNX-Index giảm 0,9 điểm (-0,3%) xuống 274,4 điểm.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1.953,3 điểm, giảm 10,9 điểm (-0,6%), với 11 mã tăng, hai mã đứng giá và 15 mã giảm. VN100 giảm 15,9 điểm (-0,9%) xuống 1.845,0 điểm, cho thấy áp lực điều chỉnh lan rộng ở nhóm vốn hóa lớn và vừa.

Về diễn biến ngành, 10 trong 19 nhóm ngành đóng cửa trong sắc xanh. Bất động sản giảm mạnh nhất với -2,6%, tiếp theo là Dịch vụ tài chính (-1,9%), Hàng hóa & Dịch vụ công nghiệp (-0,8%), Thực phẩm & Đồ uống (-0,7%) và Xây dựng & Vật liệu (-0,6%). Ở chiều ngược lại, Dầu khí tăng 2,4%, tiếp theo là Du lịch & Giải trí (+2,2%), Bảo hiểm (+1,5%), Tài nguyên (+1,3%) và Công nghệ (+1,2%).

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 13,7 nghìn tỷ đồng, giảm 38,0% so với phiên trước. Khối ngoại bán ròng 664,2 tỷ đồng, tập trung tại VHM (291,9 tỷ đồng), VIC (115,3 tỷ đồng), FPT (66,7 tỷ đồng), SSI (55,6 tỷ đồng) và FUEVFVND (52,3 tỷ đồng). Ở chiều mua ròng, MCH dẫn đầu với 106,7 tỷ đồng, tiếp theo là VPB (83,6 tỷ đồng), CTG (53,7 tỷ đồng), BSR (52,4 tỷ đồng) và MBB (50,9 tỷ đồng).

Chúng tôi khuyến nghị: 1) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao:** Nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu duy trì diễn biến tích cực, đồng thời rà soát các mã phục hồi yếu. Nhà đầu tư có thể cân nhắc chốt lời từng phần nếu VN-Index tiếp cận vùng 1.830–1.835 điểm và hạn chế gia tăng đòn bẩy sau nhịp tăng mạnh; 2) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao:** Nhà đầu tư có thể giải ngân thăm dò nếu chỉ số duy trì ổn định trên vùng 1.810–1.815 điểm, ưu tiên các cổ phiếu có nền tảng tốt và diễn biến giá ổn định.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,0	25,5	3,2	0,0	-1,2	-15,7	-6,4	-8,7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,9	19,7	5,0	-0,7	-2,1	-12,0	-9,1	-19,8
Năng lượng	2,8	10,2	1,9	2,8	12,0	67,8	69,8	-11,4
Tài chính	36,6	11,4	1,6	-0,1	-0,2	-0,4	-4,7	-32,2
Chăm sóc sức khỏe	0,4	14,1	2,5	0,5	-2,6	-12,5	-8,3	36,7
Công nghiệp	6,2	24,5	3,1	0,7	-1,6	-14,8	-10,3	-2,7
Công nghệ thông tin	1,5	12,4	3,0	1,4	1,2	-21,2	-27,0	-43,6
Vật liệu xây dựng	5,3	13,3	1,5	-0,6	-1,7	-0,6	-9,5	13,6
Bất động sản	31,3	61,4	7,7	-2,7	8,3	25,1	143,6	-50,8
Dịch vụ tiện ích	4,1	14,5	2,5	0,2	2,3	13,9	24,4	44,5

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Toàn cầu:** Giá dầu Brent giảm 2,1% xuống 101,71 USD/thùng, thấp nhất hơn một tuần, khi kỳ vọng đàm phán Mỹ - Iran giúp hạ phần bù rủi ro địa chính trị và xuất khẩu dầu Saudi Arabia phục hồi lên hơn 4 triệu thùng/ngày trong tháng 9.
- **Thuế Quan:** Tổng thống Trump ký Đạo luật Trừng phạt Nga và Iran 2026 ngày 18/9, cho phép nâng thuế lên tới 500% đối với hàng nhập khẩu trực tiếp từ Nga và tối đa 100% đối với hàng hóa từ các nước thuộc nhóm mua dầu, khí Nga lớn nhất hoặc hỗ trợ né tránh trừng phạt.
- **Mỹ - Trung Quốc:** Tổng thống Trump và Chủ tịch Tập Cận Bình dự kiến gặp ngày 24/9, trọng tâm là kéo dài thỏa thuận đình chiến thương mại hết hạn trong tháng 11. Trước cuộc gặp, Bộ trưởng Tài chính Mỹ Scott Bessent và Phó Thủ tướng Hà Lập Phong đã thảo luận về thương mại và an toàn AI.
- **Fed:** Chủ tịch Fed Minneapolis Neel Kashkari cho rằng lạm phát Mỹ vẫn quá cao trên diện rộng, không chỉ do giá năng lượng. Fed đã tăng lãi suất 25 điểm cơ bản lên 3,75-4,00%, và gần như toàn bộ quan chức dự báo còn ít nhất một lần tăng nữa trong 2026.
- **Mỹ:** Sản lượng chế tạo tháng 8 giảm 0,3% svtt, trái với kỳ vọng tăng 0,3% và chấm dứt chuỗi 7 tháng tăng liên tiếp; chi phí năng lượng và lãi suất cao đang gây sức ép, dù đầu tư AI tiếp tục hỗ trợ ngành công nghệ.
- **Trung Quốc:** PBoC giữ nguyên LPR tháng thứ 16 liên tiếp, với kỳ hạn 1 năm ở 3,0% và 5 năm ở 3,5%, cho thấy dư địa nới lỏng tiền tệ hạn chế. CNY đồng thời tăng lên 6,6957 CNY/USD, mạnh nhất hơn 3 năm, trong khi thặng dư thương mại cả năm đang hướng tới vượt 1 nghìn tỷ USD năm thứ hai liên tiếp.
- **BoJ:** BoJ tăng lãi suất lên 1,25%, cao nhất 31 năm, và cho biết có thể tiếp tục nâng lãi suất để ngăn lạm phát vượt mục tiêu 2%. Tuy nhiên, JPY giảm về khoảng 156,85 JPY/USD do tín hiệu sau cuộc họp chưa đủ cứng rắn, khiến thị trường gia tăng theo dõi khả năng can thiệp tỷ giá.
- **Anh:** BoE giữ lãi suất ở 3,75%, nhưng dự báo lạm phát có thể vượt 4% đầu 2027; Barclays, UBS và J.P. Morgan đều kỳ vọng BoE có thể tăng lãi suất từ tháng 11, trong khi thị trường định giá xác suất khoảng 63%. Giá chào bán nhà tháng 9 tăng 0,7% svtt, lần tăng đầu tiên kể từ tháng 5, nhưng vẫn giảm 0,8% svck; nguồn cung nhà ở lên cao nhất 12 năm và nhu cầu người mua giảm 9% svck.

Tin vĩ mô trong nước

- Việt Nam chính thức gia nhập nhóm thị trường mới nổi thứ cấp của FTSE Russell từ 21/9, với tỷ trọng trong FTSE Emerging All Cap Index tăng từ 0,329% lên 0,49%, được kỳ vọng mở ra dòng vốn quốc tế quy mô hàng tỷ USD. FTSE Russell cũng đề xuất phát triển các sản phẩm phái sinh dựa trên chỉ số FTSE Vietnam ở nước ngoài để tăng thanh khoản và khả năng tiếp cận của nhà đầu tư quốc tế.
- Chính phủ định hướng tăng tính độc lập của NHNN giai đoạn 2026-2030, chuyển dần từ điều hành theo khối lượng sang điều hành theo giá và các công cụ gián tiếp. Trong tuần 14-18/9, NHNN hút ròng hơn 62,5 nghìn tỷ đồng, trong khi lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm từ 5,16% xuống 3,12%/năm, cho thấy áp lực thanh khoản ngắn hạn hạ nhiệt.
- Tính đến 28/8, dư nợ toàn nền kinh tế đạt gần 20,5 triệu tỷ đồng (+10,24% so với cuối 2025); riêng tín dụng SME vượt 4,1 triệu tỷ đồng (+12,4%), chiếm khoảng 20% tổng dư nợ.
- Việt Nam cần khoảng 38,5 triệu tỷ đồng (1,5 nghìn tỷ USD) vốn đầu tư giai đoạn 2026-2030, trong khi ngân sách chỉ có thể đáp ứng khoảng 20% nhu cầu. UOB cho rằng dư địa tín dụng ngân hàng ngày càng hạn chế khi tín dụng/GDP khoảng 138% và LDR đạt 98,7%, làm tăng vai trò của FDI và thị trường vốn.

- Bộ Xây dựng đề xuất phát triển 899.859 căn nhà ở xã hội và nhà cho thuê giai đoạn 2026-2030, trong đó 191.023 căn dành cho thuê, tăng thêm 10.684 căn so với phương án trước nhằm đáp ứng nhu cầu của công nhân và người thu nhập thấp.
- Dự thảo sửa Luật Điện lực đề xuất giá hợp đồng mua bán điện phải bảo đảm thu hồi đầy đủ chi phí đầu tư, tài chính và vận hành, cùng mức lợi nhuận hợp lý, nhằm tăng tính khả thi tài chính và thu hút vốn tư nhân vào các dự án điện, đặc biệt là năng lượng mới và tái tạo.
- Bộ Tài chính khẳng định chưa có kế hoạch phát hành trái phiếu quốc tế, đợt tiếp xúc nhà đầu tư sắp tới chỉ là Non-deal Roadshow để cập nhật tình hình vĩ mô, tài khóa, tiền tệ và thăm dò nhu cầu thị trường. Quy mô, kỳ hạn và thời điểm phát hành sẽ chỉ được xem xét khi có nhu cầu vốn phù hợp và điều kiện thị trường thuận lợi.

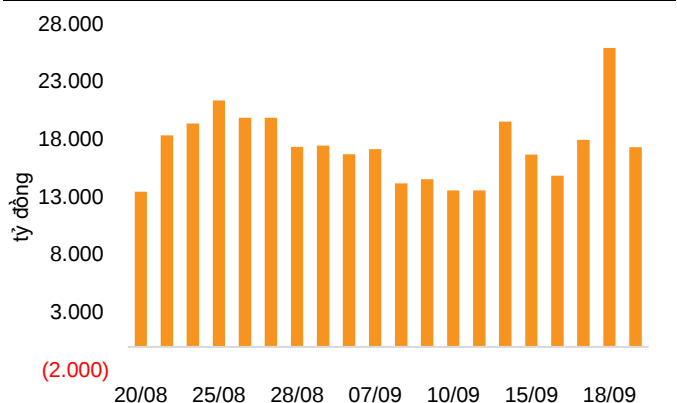
Tin ngành và doanh nghiệp

- **PGV:** EVNGENCO3 ghi nhận sản lượng điện 8M26 đạt 19,6 tỷ kWh (+9,2% svck) và doanh thu sản xuất điện công ty mẹ đạt 32,1 nghìn tỷ đồng (+7,1%), hoàn thành 68,1% kế hoạch năm.
- **NVL:** Novaland chốt phương án chào bán gần 800,7 triệu cp cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cp, dự kiến huy động gần 8,0 nghìn tỷ đồng để thanh toán nợ và nghĩa vụ tài chính; nếu thành công, vốn điều lệ tăng lên hơn 32 nghìn tỷ đồng.
- **GAS/VPB:** PV GAS dự kiến chi khoảng 6,0 nghìn tỷ đồng cổ tức tiền mặt tỷ lệ 25%, trong khi VPBank phát hành cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 26,04%, qua đó nâng vốn điều lệ lên 100 nghìn tỷ đồng.
- **VSC:** Viconship dự kiến vay 2,2 nghìn tỷ đồng từ 4 công ty con để tái cơ cấu dòng tiền, bổ sung vốn lưu động và đáp ứng nhu cầu tài chính ngắn hạn.
- **MSN:** Masan ghi nhận doanh thu 8M26 đạt 77,0 nghìn tỷ đồng (+52% svck) và LNST đạt 8,5 nghìn tỷ đồng, gấp 2,2 lần svck; tăng trưởng được hỗ trợ bởi MSR và mảng tiêu dùng bán lẻ.
- **MSR:** Doanh thu 8M26 đạt 21,0 nghìn tỷ đồng, gấp 5,1 lần svck, nhờ sản lượng vonfram tăng và giá APT duy trì cao trong bối cảnh nguồn cung hạn chế.
- **TPB:** TPBank đã hoàn thiện nền tảng để triển khai phương pháp xếp hạng nội bộ IRB theo Thông tư 14, đặt mục tiêu hoàn thành giai đoạn chuyển đổi trong 2027. Tại 6M26, CAR hợp nhất theo phương pháp IRB đạt 15%, cho thấy bộ đệm vốn tương đối vững khi áp dụng chuẩn quản trị rủi ro cao hơn.
- **PGB:** PGBank được chấp thuận chào bán gần 267,3 triệu cp, tổng giá trị theo mệnh giá hơn 2,67 nghìn tỷ đồng, chia làm 2 đợt. Nếu hoàn tất, vốn điều lệ sẽ tăng từ hơn 7,3 nghìn tỷ đồng lên 10 nghìn tỷ đồng, tạo dư địa mở rộng tín dụng, đầu tư và đáp ứng các tỷ lệ an toàn vốn.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

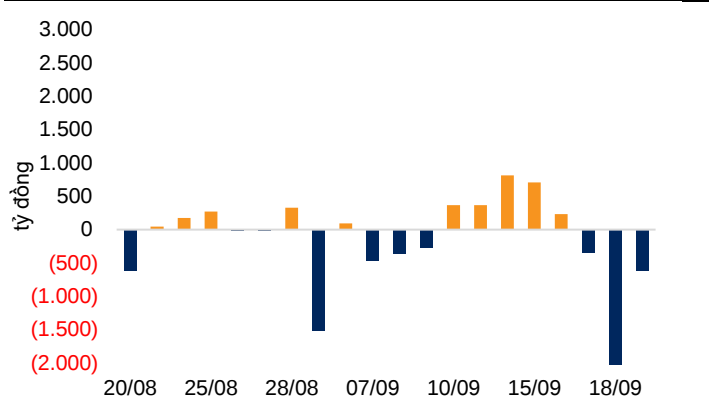
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 21/09/2026	Trung Quốc	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 9.2026 của Ngân hàng Trung ương Trung Quốc
Thứ Tư, 23/09/2026	Mỹ	Số liệu PMI sản xuất và PMI dịch vụ tháng 9.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



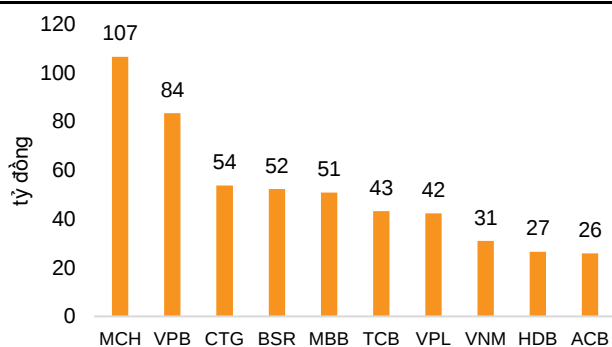
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỐI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



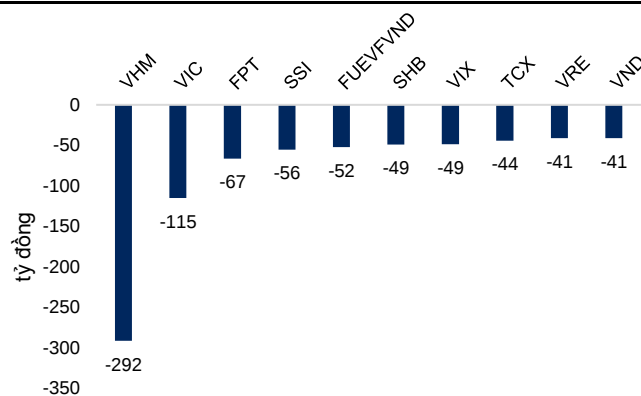
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



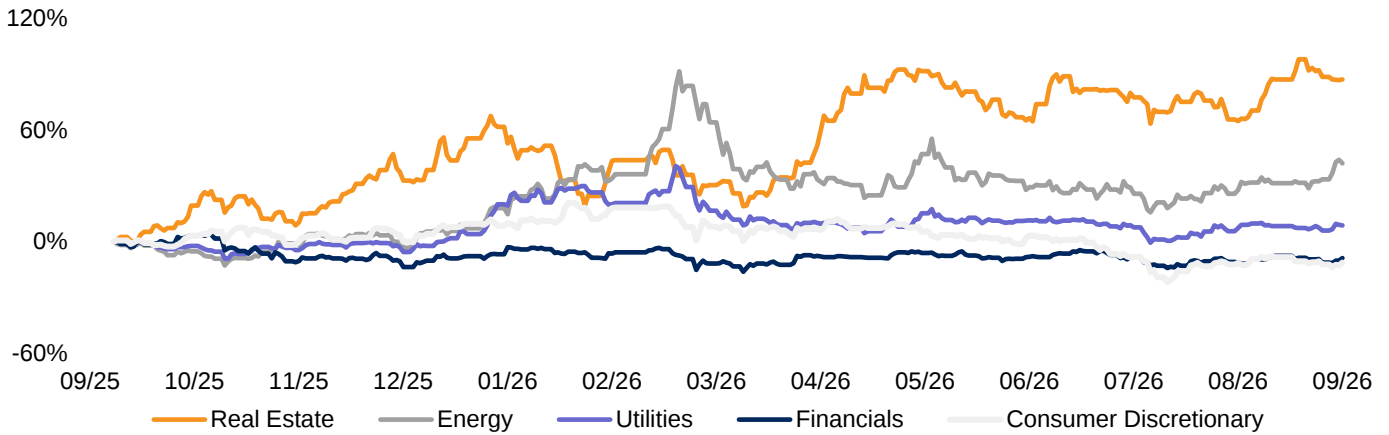
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	1,0%	-0,5%	16,8	1,5	8,8%	2,4%	164,111	1,4%	166.058	0,4%	6,3%
Ấn Độ	NSE500 Index	0,3%	-4,1%	23,2	3,3	15,1%	1,2%	9,130	6,8%	-25.751	-0,1%	-7,8%
Indonesia	JCI Index	-0,9%	-26,2%	14,4	1,7	12,2%	3,7%	746	7,0%	-4.293	-0,8%	-6,9%
Singapore	FSTAS Index	0,2%	19,6%	19,5	1,6	9,5%	3,9%	1,458	2,1%	1.268	-0,5%	0,5%
Malaysia	FBME Index	-0,1%	0,8%	14,9	1,4	10,1%	3,9%	591	3,8%	-1.278	-0,9%	3,1%
Philippines	PCOMP Index	-0,3%	-5,9%	9,3	0,9	9,7%	4,0%	96	5,8%	-507	-1,8%	-9,1%
Thái Lan	SET Index	0,9%	26,9%	12,8	1,5	9,3%	4,4%	2,192	1,6%	1.586	-1,8%	-4,4%
Việt Nam	VN-Index	-0,9%	0,9%	13,8	2,0	16,0%	1,9%	544	4,3%	-3.462	0,4%	1,5%

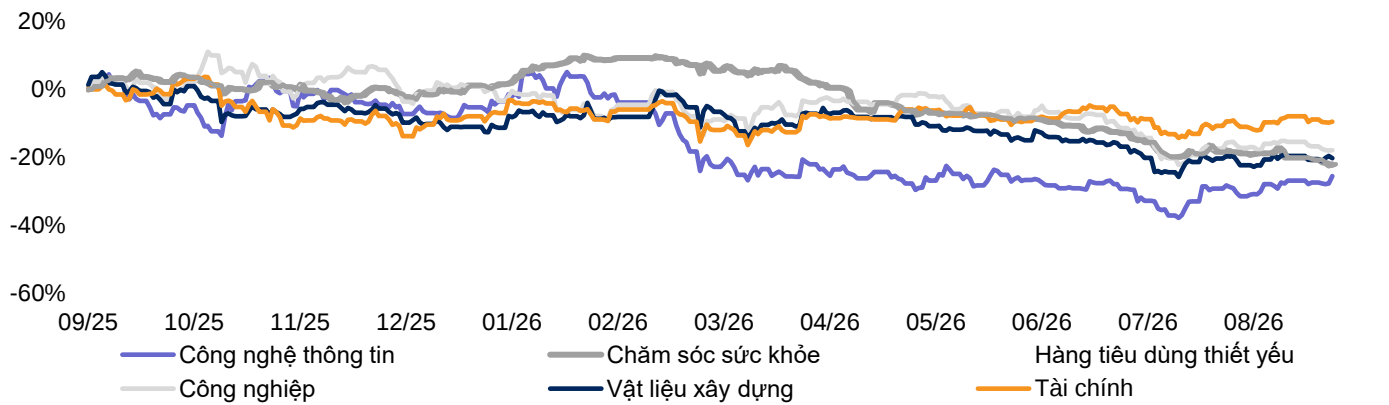
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



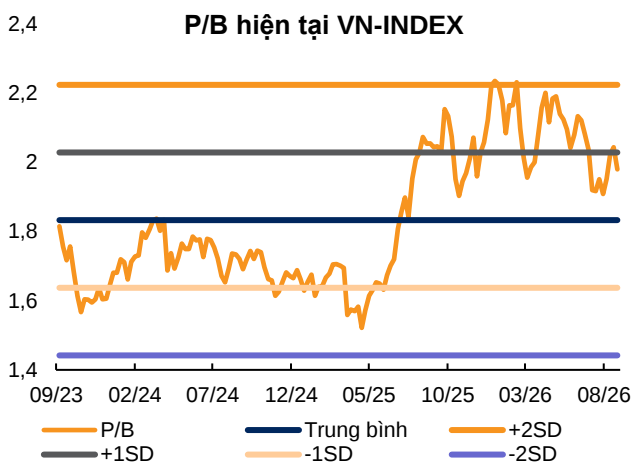
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



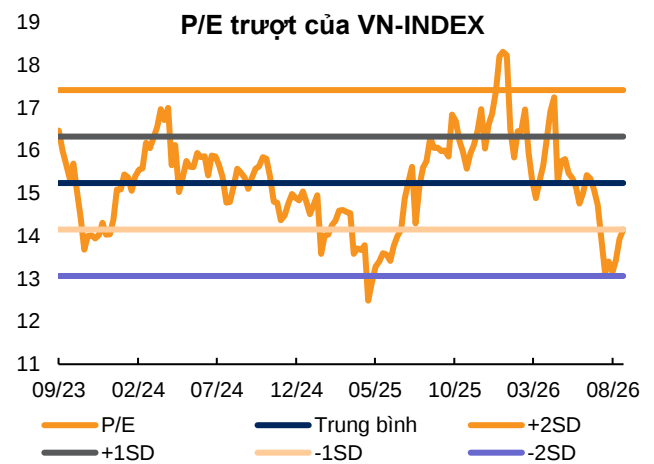
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



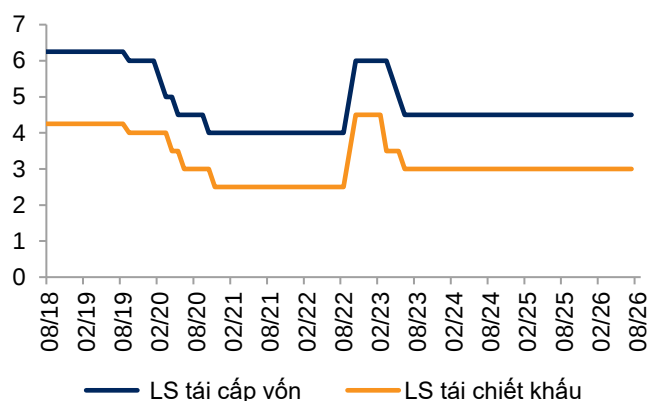
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,29	-0,2	0,9	31,8	41,8
Lợi suất TPCP Việt Nam 10 năm (%/năm)	4,47	0,1	0,5	10,5	25,0
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	7,15	104,3	101,4	333,3	88,2
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,18	24,7	8,0	-13,0	45,6
USD/VND	26.018	0,0	0,4	1,1	1,5
DXY	100,32	0,1	1,5	2,0	2,7
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,96	-0,7	4,8	19,0	20,2
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,80	-0,7	11,3	35,6	34,9

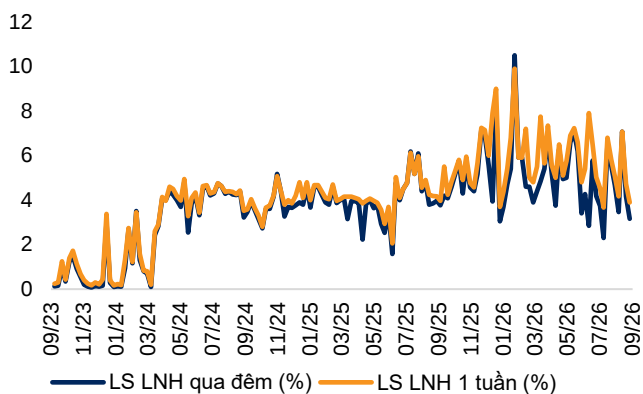
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



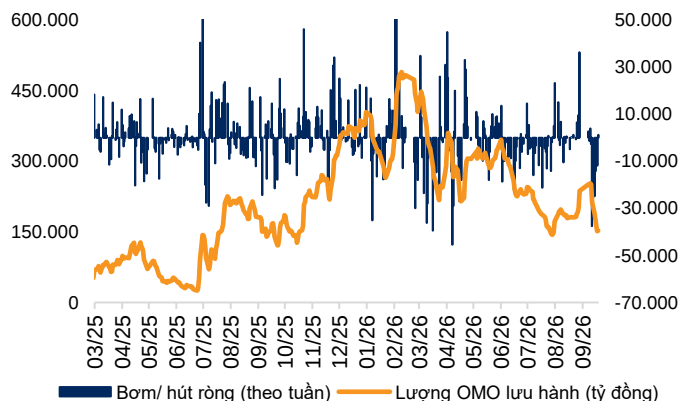
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



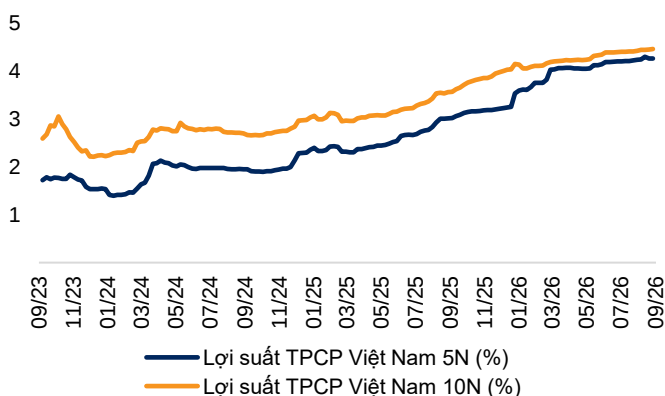
Nguồn: SBV. FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



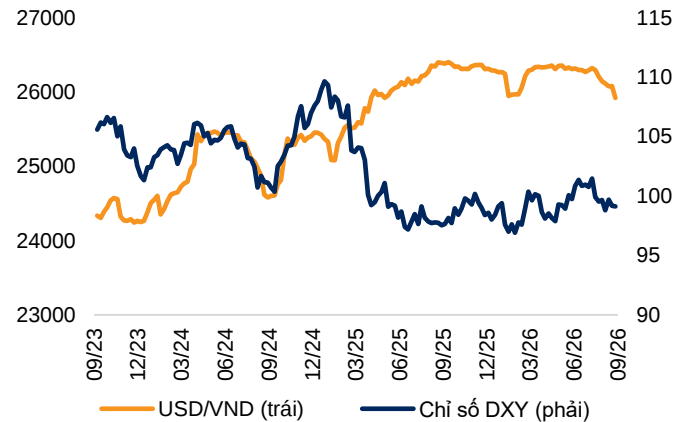
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-1,7%	13,3%	57,4%
Brent Crude	-1,8%	8,1%	53,0%
JKM LNG	-0,3%	22,2%	150,0%
Henry Hub LNG	-3,7%	14,9%	133,0%
NW Thermal Coal	2,4%	5,3%	-3,6%
Singapore Platt FO	-0,9%	10,7%	61,7%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	-0,8%	-5,8%	18,5%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	1,7%	3,9%	59,6%
Bạch kim	-0,1%	-4,8%	27,4%

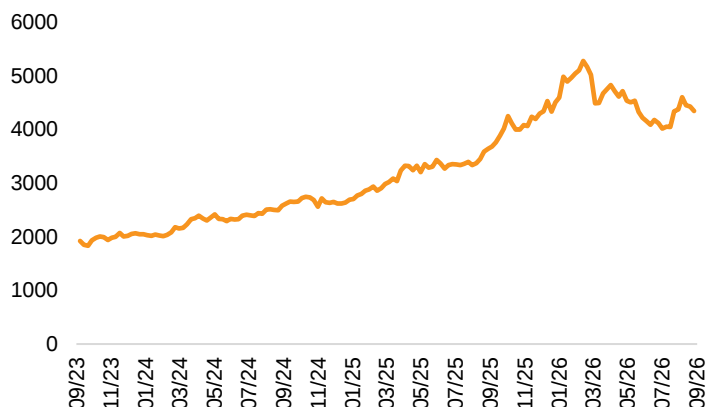
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	-6,4%	413,2%
Đồng	0,7%	1,1%	45,8%
Nhôm	-0,5%	2,4%	22,8%
Niken	-0,7%	-3,3%	6,0%
Kẽm	0,6%	4,3%	21,0%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,4%	3,6%	-2,2%
Quặng sắt	0,0%	0,3%	-12,3%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	0,7%	7,1%	36,9%
Arabica	-1,1%	-22,7%	-24,3%
Đường	-0,2%	-1,6%	12,1%
Cacao	1,6%	-9,7%	-25,3%
Dầu cọ	-0,8%	-4,3%	NA
Bông	0,2%	-10,9%	19,4%
Sữa bột	-0,1%	-2,9%	-8,5%
Lúa mì	1,2%	6,1%	38,4%
Đậu tương	0,5%	6,9%	27,7%
Hạt điều	NA	0,0%	10,0%
Cao su	-1,6%	-4,2%	42,2%
Urê	-0,9%	-4,0%	0,5%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-1,0%	-3,3%	-19,9%
Gia súc	0,1%	-4,0%	-7,1%

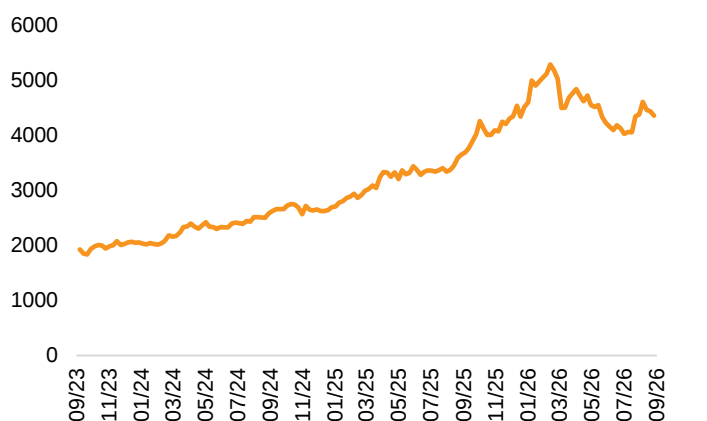
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	5.466	0,7	2.586	39.700	64.700	64,2%	1,4%	12,8	1,9	16%
AST	132	0,0	4	63.700	84.500	38,2%	1,3%	11,6	4,8	48%
HVN	2.511	0,9	542	21.000	43.400	104,8%	3,0%	14,3	6,9	
VJC	4.079	5,7	976	138.000	113.600	-10,4%	0,6%	48,2	4,0	9%
Bán lẻ										
BAF	449	1,9	206	32.000	40.100	35,0%		117,3	2,7	3%
DGW	386	2,0	87	45.000	49.600	42,7%	2,2%	11,9	2,7	25%
FRT	894	2,1	141	130.100	150.300	37,9%	0,3%	20,5	4,8	30%
MCH	7.186	2,4	6.047	143.000	165.000	21,3%	1,4%	26,5	9,9	39%
MWG	4.067	10,6	-2	71.700	102.000	42,7%	1,4%	10,7	3,0	30%
PNJ	726	8,9	24	36.900	N/A	N/A	1,8%	7,8	1,4	18%
QNS	701	0,3	286	49.600	53.400	13,1%	2,0%	8,1	1,5	19%
SAB	2.162	1,1	889	43.850	54.600	25,4%	6,8%	12,2	2,9	23%
VHC	404	0,6	332	50.200	72.400	36,6%	4,0%	7,7	1,1	15%
VNM	4.844	8,9	2.436	60.300	70.400	15,6%	3,1%	12,8	4,0	31%
Tài chính										
ACB	4.997	10,2	311	22.400	31.300	41,9%	2,8%	8,3	1,3	17%
BID	10.822	5,8	1.570	36.200	47.200	32,4%	1,2%	8,5	1,5	17%
CTG	9.254	9,7	498	31.000	40.200	70,2%	1,5%	6,0	1,2	22%
HDB	5.310	11,2	272	27.600	39.500	54,7%	2,3%	6,9	1,6	26%
LPB	5.293	6,1	184	46.100	33.400	-31,7%	6,5%	12,2	3,2	27%
MBB	7.192	11,4	319	20.200	32.900	51,5%	4,1%	6,5	1,3	22%
STB	5.558	10,7	1.081	76.700	73.000	-35,7%	0,8%	23,6	2,3	5%
TCB	8.784	17,7	139	32.250	39.200	40,2%	2,2%	8,4	1,3	16%
TPB	1.493	5,0	121	14.000	21.700	33,9%	6,8%	5,1	0,8	18%
VCB	18.916	10,4	1.895	58.900	67.100	29,2%	0,8%	11,8	2,0	18%
VIB	1.913	3,8	30	13.350	23.600	67,8%	6,2%	6,7	1,0	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.676	16,7	621	28.450	37.100	50,4%	1,8%	7,6	1,3	18%
Dệt may										
MSH	130	0,1	58	30.000	40.600	34,2%	3,3%	5,5	1,7	31%
TCM	72	0,7	1	16.000	20.000	20,8%	3,0%	9,5	0,8	8%
Khu công nghiệp										
BCM	1.583	1,1	534	39.800	68.400	81,5%	2,8%	21,7	1,9	9%
GMD	1.262	3,6	127	77.000	95.700	3,1%	2,9%	13,6	2,4	19%
HAH	340	1,2	79	46.900	55.400	27,6%	4,3%	6,7	1,7	27%
VSC	188	4,6	88	13.100	19.100	37,5%	3,8%	14,3	0,9	7%
IDC	533	1,5	184	33.200	58.000	44,5%	4,1%	6,4	2,0	35%
KBC	941	1,4	397	26.000	35.700	9,5%	1,4%	21,4	1,0	5%
PHR	297	0,8		31.700	68.400	22,4%	2,5%	8,3	1,7	22%
VTP	376	1,0	170	48.250	77.900	60,6%	1,4%	30,6	4,2	15%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	516	1,3	235	35.350	128.300	246,0%	22,6%	6,7	0,8	13%
HPG	6.847	17,7	1.874	21.100	33.300	53,5%	2,2%	7,7	1,3	17%
Dầu khí										
BSR	6.072	10,7	2.885	31.550	16.700	-27,2%	1,0%	7,9	2,1	30%
GAS	8.217	4,5	3.853	88.600	91.800	20,4%	2,8%	16,8	3,1	18%
OIL	572	1,0	36	14.400	14.800	13,2%	1,7%	42,0	1,4	3%
PLX	1.800	4,6	102	36.850	47.700	46,4%	3,3%	15,2	1,8	9%
PVD	690	3,5	288	19.350	23.000	37,8%	12,9%	18,5	1,1	5%
PVS	785	4,1	260	33.300	48.200	40,5%	1,6%	9,7	1,3	11%
PVT	458	3,2	153	23.050	24.200	44,0%	0,9%	8,4	1,3	15%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	596	2,8	277	22.800	22.700	6,6%	6,6%	9,1	1,4	14%
DCM	686	3,2	302	33.700	49.800	41,4%	5,9%	7,7	1,6	21%
DDV	94	0,3	-3	16.800	38.700	119,0%	10,1%	3,9	1,1	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	59	0,1		19.000	34.100	88,0%	2,6%	9,4	1,1	12%
Điện										
POW	1.480	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	250	1,0	86	16.000	27.500	69,8%	2,8%	7,0	0,9	14%
PC1	319	0,0	133	20.150	30.800	43,3%	0,0%	8,2	1,2	16%
REE	1.118	0,7	1	46.700	66.600	41,1%	1,9%	11,0	1,3	13%
Bất động sản										
DXG	514	4,4	175	10.550	20.500	92,4%	19,0%	66,6	0,9	1%
KDH	524	3,3	138	15.850	35.700	104,0%	1,9%	10,9	1,0	9%
NLG	449	1,9	59	24.100	38.000	95,9%	2,1%	19,5	0,9	5%
VHM	21.502	25,9	9.320	68.100	153.000	3,3%	4,4%	7,1	2,1	33%
VRE	2.162	5,5	811	24.750	34.000	39,9%	4,0%	7,8	1,1	15%
Công nghệ										
FPT	4.813	18,4	989	66.400	118.200	84,2%	1,4%	12,4	3,1	27%
Xây dựng										
HHV	196	1,1	176	9.340	14.700	46,3%	0,0%	10,0	0,5	4,8%
Tài chính thay thế										
F88	524	0,4	401	59.000	93.100	24,3%	0,0%	17,6	5,3	39%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết. Thông tin trên báo cáo được công bố của công ty. Thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT. Người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA

